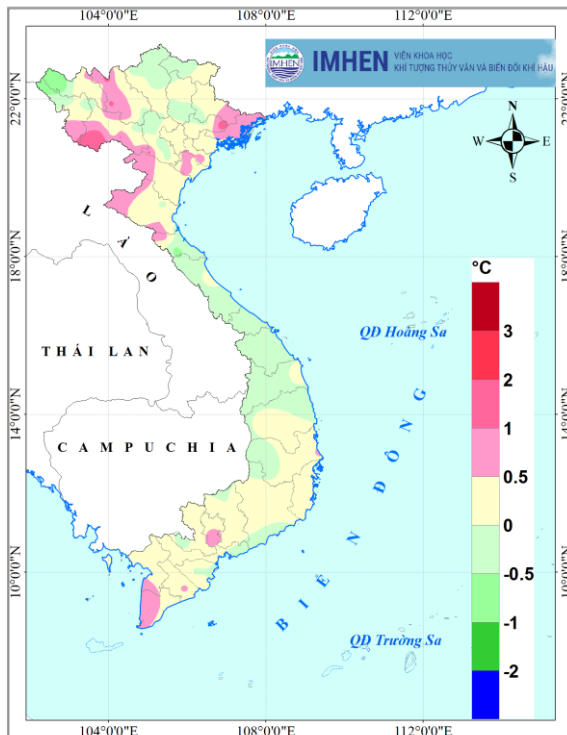
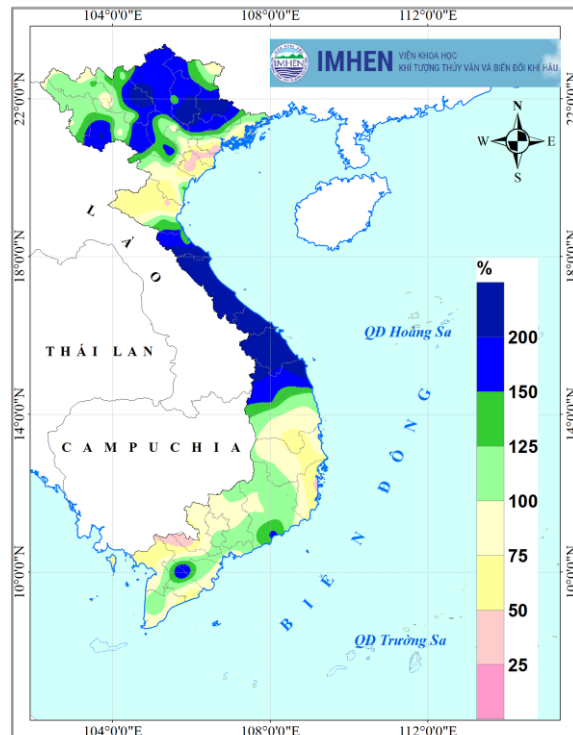


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8, 9, 10 NĂM 2025



(a)



(b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và tỷ chuẩn lượng mưa (b) tháng 6/2025



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG - KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATOLOGY

Hà Nội, tháng 07 - 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC HÌNH VẼ	5
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 4, 5, 6 NĂM 2025	6
1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực	6
1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam.....	7
1.2.1. Nhiệt độ	7
1.2.2. Lượng mưa	9
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm	11
1.2.4. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt	13
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8-10 NĂM 2025	15
2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực.....	15
2.1.1. Hiện tượng ENSO	15
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực Châu Á	15
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam.....	17
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	17
2.2.2. Dự báo lượng mưa.....	17
2.2.3. Hiện tượng cực đoan	17
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8-10 NĂM 2025.....	18

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMH	Gió mùa mùa hè
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	KKL	Không khí lạnh
10	KTTV	Khí tượng thủy văn
11	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
12	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
13	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
14	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
15	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
16	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
17	SNM	Số ngày mưa
18	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
19	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
20	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
21	TBD	Thái Bình Dương
22	TBNN	Trung bình nhiều năm
23	TC	Tỷ chuẩn
24	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
25	TLM	Tổng lượng mưa
26	TSGN	Tổng số giờ nắng
27	XĐ	Xích đạo
28	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới
29	XSHC	Xác suất thấp hơn trung bình nhiều năm
30	XSVC	Xác suất cao hơn trung bình nhiều năm
31	PV1	Phân vị thứ nhất
31	PV2	Phân vị thứ hai
32	GMMĐ	Gió mùa mùa đông

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 6/2025 tại một số trạm tiêu biểu.....	9
Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng 6/2025 tại một số trạm tiêu biểu	11
Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2025	20

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C)	6
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số số SOI (7/2020 - 6/2025)	6
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (7/2020 - 6/2025)	6
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NDTB mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C) trên khu vực châu Á....	7
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (mm) trên khu vực châu Á....	7
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C).....	8
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 6/2025 (°C).....	8
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C).....	8
Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 6/2025 (°C).....	8
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C)...	8
Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 6/2025 (°C).....	8
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (mm).....	10
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (%).....	10
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 6/2025 (mm).....	10
Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 6/2025 (%).....	10
Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (ngày)	10
Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 6/2025 (ngày)	10
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (giờ)	12
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 6/2025 (giờ)	12
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (mm).....	12
Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 6/2025 (mm).....	12
Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 4-6 năm 2025.....	12
Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 6/2025.....	12
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 8-10 năm 2025	16
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 8-10 năm 2025	16
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 cho khu vực châu Á	16
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2025	16
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 cho khu vực châu Á.....	17
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2025.....	17
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2025.....	19
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2025	19

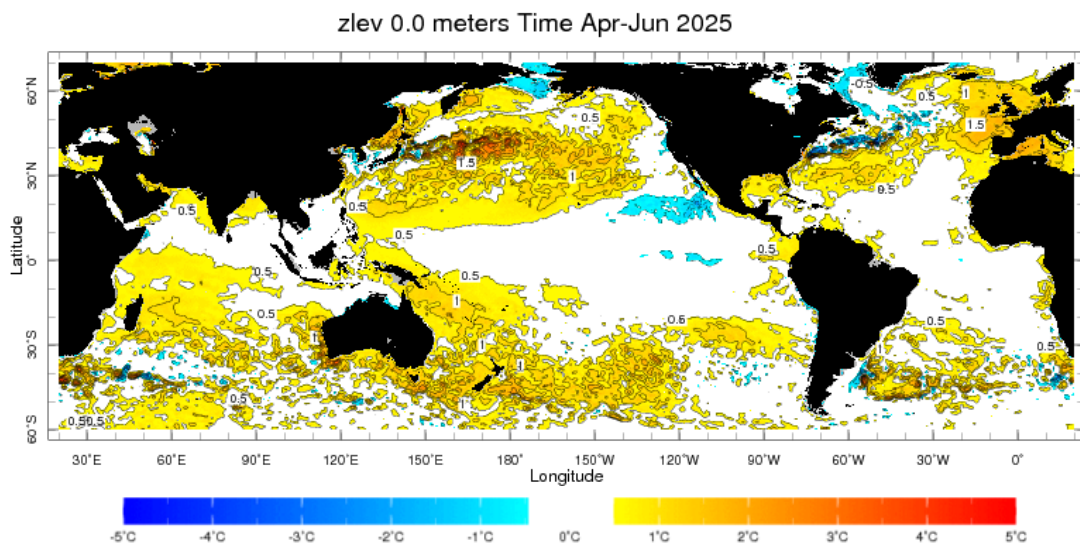
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 4, 5, 6 NĂM 2025

1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực

Diễn biến ENSO, gió mùa và tín phong:

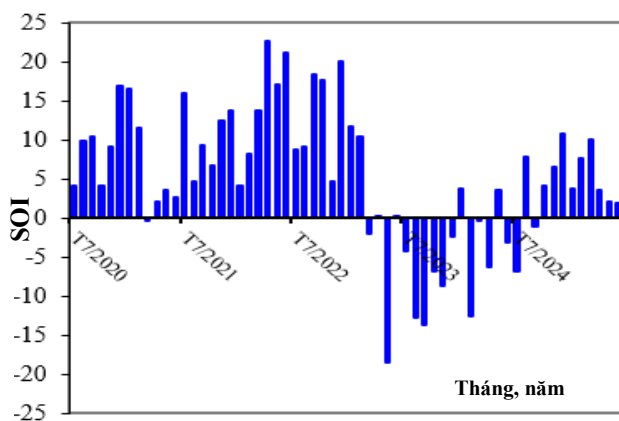
Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 10/7/2025: Trong tháng 6/2025, *hệ thống khí quyển - đại dương phản ánh các điều kiện trung tính của ENSO*, với nhiệt độ mặt nước biển (SST) xấp xỉ trung bình nhiều năm (TBNN) trên hầu hết các khu vực xích đạo Thái Bình Dương (XĐTBD).

Hình 1.1 cho thấy, chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) trung bình mùa tháng 4-6 năm 2025 ở hầu hết XĐTBD từ 0 đến 0,5°C. Trong 3 tháng qua, tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là -0,16°C; -0,04°C và 0,04°C (Hình 1.2). Chỉ số dao động Nam (SOI) trong 3 tháng là 3,6; 2,1 và 1,8 (Hình 1.3). Chuẩn sai chỉ số gió tín phong (m/s) ở các khu vực XĐTBD: (1) Phía Tây: 3,0; 2,5 và 1,3; (2) Trung tâm: 1,3; 2,3 và 1,0; (3) Phía Đông: 0,6; 2,0 và 1,5. *Như vậy, trung bình 3 tháng 4, 5, 6 năm 2025, hoạt động của gió tín phong cao hơn TBNN trên hầu hết XĐTBD.*



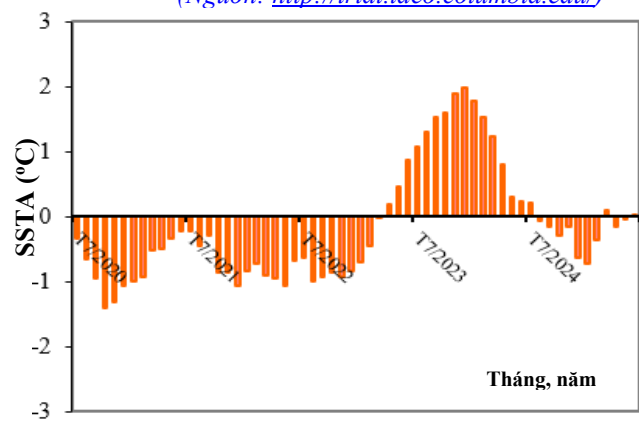
Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C)

(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SOI (7/2020 - 6/2025)

(Nguồn: www.bom.gov.au)



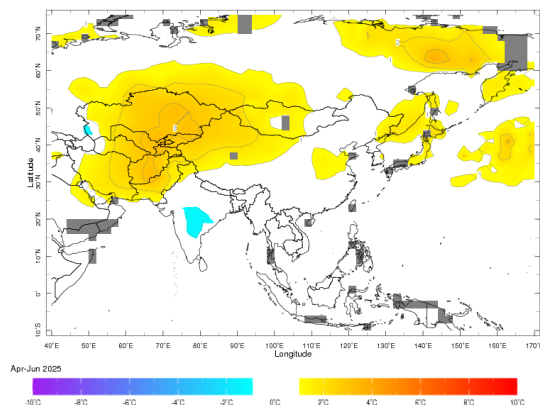
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (7/2020 - 6/2025)

(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)

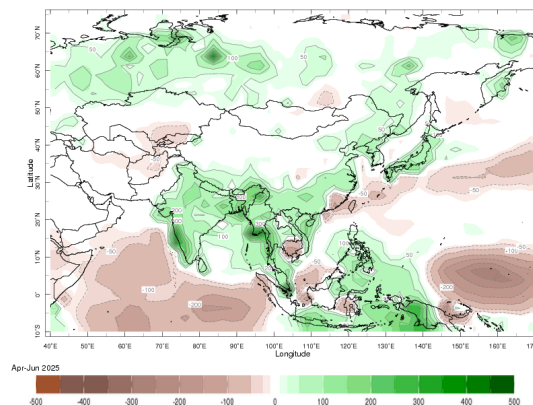
Theo bản tin của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu (IRI), nhiệt độ trung bình (NĐTĐ) mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 có giá trị từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên hầu hết

diện tích châu Á, với chuẩn sai dao động từ 0 đến trên 3,0°C. Đối với lãnh thổ Việt Nam, NĐTB mùa 3 tháng qua xấp xỉ TBNN trên phạm vi cả nước (Hình 1.4).

Tổng lượng mưa (TLM) mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 cao hơn TBNN từ 50 đến trên 300 mm trên phần lớn diện tích Đông Nam Á; thấp hơn TBNN 25 – 50 mm xảy ra ở Lào và một phần nhỏ Ấn Độ. Đối với lãnh thổ Việt Nam, TLM mùa 3 tháng qua cao hơn TBNN 50-100 mm trên đại bộ phận diện tích cả nước, thấp hơn khoảng 25-50 mm ở Nam Bộ (Hình 1.5).



Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NĐTB mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C) trên khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (mm) trên khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)

1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam

1.2.1. Nhiệt độ

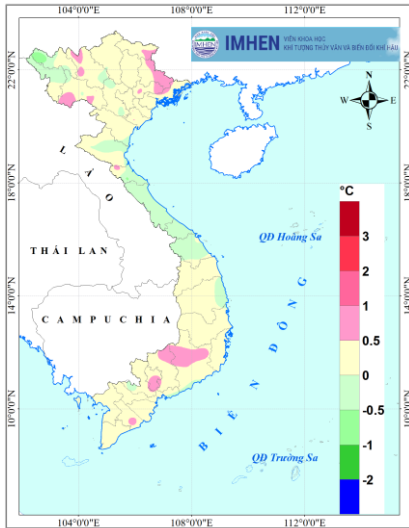
NĐTB mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 từ 19 đến 29,5°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,0°C trên phần lớn diện tích lãnh thổ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở một phần nhỏ Tây Bắc và khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Đà Nẵng (Hình 1.6). NĐTB tháng 6/2025 từ xấp xỉ 19,5 đến trên 30,5°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1,5°C trên đa phần diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1°C ở một số khu vực nhỏ thuộc Bắc Bộ và các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Gia Lai (Hình 1.7 và Bảng 1.1).

Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 từ xấp xỉ 22 đến trên 34,5°C; cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1,5°C trên đại bộ phận diện tích nước ta, trong đó khu vực Đồng bằng Bắc Bộ có chuẩn sai nhiệt cao nhất cả nước; nhiệt độ thấp hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1,0°C ở Tây Bắc và khu vực từ Quảng Trị đến Đà Nẵng (Hình 1.8). NĐTCTB tháng 6/2025 dao động từ trên 22,5 đến gần 36°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C trên phần lớn diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1,0°C ở một số khu vực nhỏ thuộc vùng núi Bắc Bộ và các tỉnh từ Quảng Trị đến Đắk Lắk (Hình 1.9).

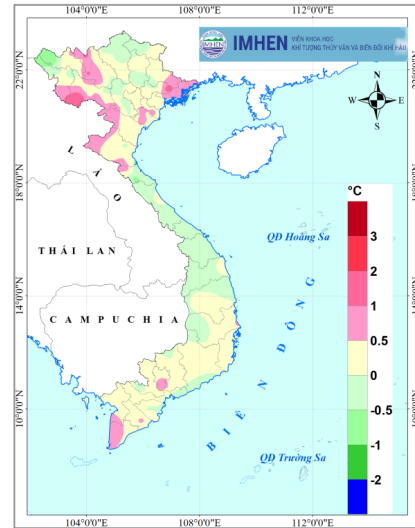
Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 phổ biến từ 32 đến 40,5°C và trong tháng 6/2025 chủ yếu từ 30 đến 40°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 6/2025 là 40,6°C tại Tương Dương (Nghệ An) vào ngày 2.

Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTTB) mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 từ dưới 16,5 đến trên 27°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 2°C trên hầu khắp diện tích lãnh thổ (Hình 1.10). NĐTTTB tháng 6/2025 từ gần 17 đến 28°C; cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C trên hầu hết diện tích cả nước (Hình 1.11 và Bảng 1.1).

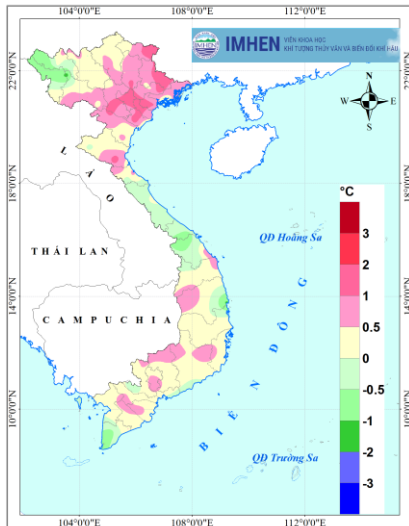
Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTTĐ) mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 phổ biến từ 9 đến 24°C và trong tháng 6/2025 phổ biến ở từ 17 đến 25,5°C. Giá trị thấp nhất trong tháng 6/2025 là 14,6°C quan trắc được tại Đà Lạt (Lâm Đồng) vào ngày 21.



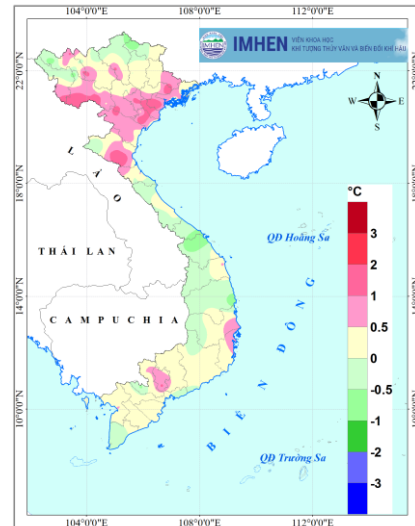
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C)



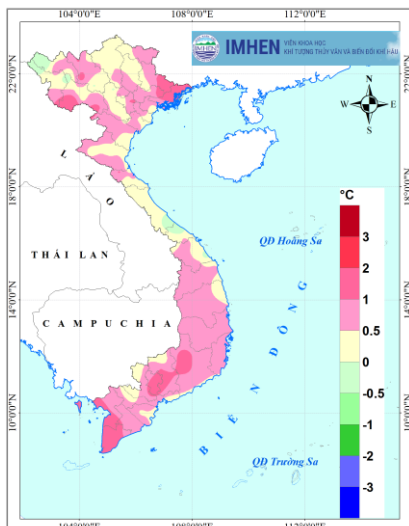
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 6/2025 (°C)



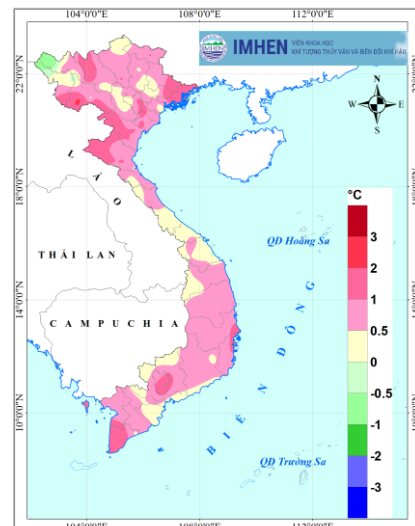
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C)



Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 6/2025 (°C)



Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (°C)



Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 6/2025 (°C)

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 6/2025 tại một số trạm quan trắc

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NĐTB	CS	NĐTCTB	CS	NĐTCTĐ	NĐTTTB	CS	NĐTTTĐ
Điện Biên	27,3	0,6	32,0	0,9	36,4	24,4	0,8	23,1
Sơn La	26,0	0,4	30,7	0,6	33,9	23,1	0,7	21,4
Sa Pa	20,4	0,4	22,7	-0,2	26,5	18,9	1,2	16,3
Bắc Quang	28,2	0,1	33,2	0,1	38,5	25,5	0,7	23,7
Lạng Sơn	27,5	0,3	32,3	0,7	37,8	24,8	0,9	22,8
Thái Nguyên	28,8	-0,2	33,0	0,1	39,0	26,2	0,3	24,0
Láng	30,5	0,5	34,6	0,9	40,5	27,8	1,3	25,7
Bãi Cháy	29,3	0,4	31,7	0,2	35,5	27,4	1,1	24,5
Phù Lễn	28,9	0,3	33,2	1,1	39,5	26,1	0,3	24,0
Thanh Hoá	29,8	0,2	33,7	0,2	39,2	27,1	0,6	24,0
Vinh	30,4	-0,2	34,4	0,2	37,8	27,5	0,5	25,5
Huế	28,9	-0,3	34,4	-0,3	38,5	25,2	0,0	23,5
Đà Nẵng	29,4	-0,3	33,7	-0,8	38,2	26,1	0,2	23,7
Quy Nhơn	30,3	0,0	33,8	-0,8	36,1	28,0	0,8	26,0
Nha Trang	29,5	0,4	33,3	0,6	36,4	26,9	1,1	25,1
Phan Thiết	27,8	-0,3	32,3	0,0	34,8	25,7	0,4	23,9
Plây cu	23,6	0,1	27,1	-0,3	30,2	21,2	0,6	19,8
B.M. Thuật	25,0	-0,2	29,9	-0,2	32,7	22,5	0,7	20,8
Đà Lạt	19,4	0,1	23,7	0,2	27,0	16,8	0,4	14,6
Tân Sơn Nhất	28,7	0,8	33,5	1,1	36,1	26,1	1,5	24,6
Vũng Tàu	28,3	-0,3	31,3	-0,4	33,6	25,7	-0,1	23,5
Rạch Giá	28,9	0,5	31,2	0,5	33,5	26,8	0,7	24,8
Cần Thơ	27,8	0,3	32,3	0,5	35,2	25,3	0,6	23,7
Cà Mau	28,6	0,6	31,6	-0,5	34,6	26,8	1,7	24,5

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐTCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐTCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

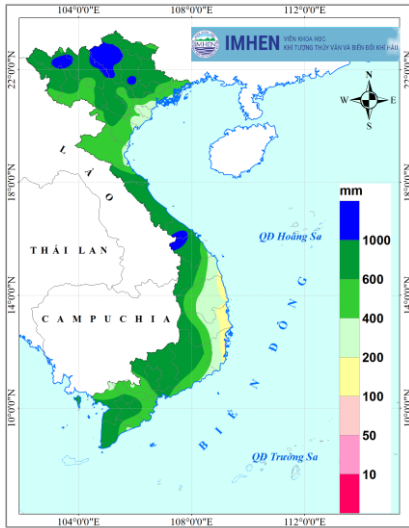
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2025, tổng lượng mưa (TLM) trên đại bộ phận diện tích nước ta phổ biến từ 400 đến 1000 mm; khu vực ven biển từ Quảng Ngãi đến Khánh Hòa từ 100 đến 400 mm (Hình 1.12). Lượng mưa cao hơn TBNN ở đại bộ phận diện tích nước ta, trong đó khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Đà Nẵng có tỷ chuẩn lượng mưa trên 200%; lượng mưa thấp hơn TBNN ở dải ven biển Bắc Bộ và các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Khánh Hòa, với tỷ chuẩn lượng mưa từ 50 đến dưới 100% (Hình 1.13).

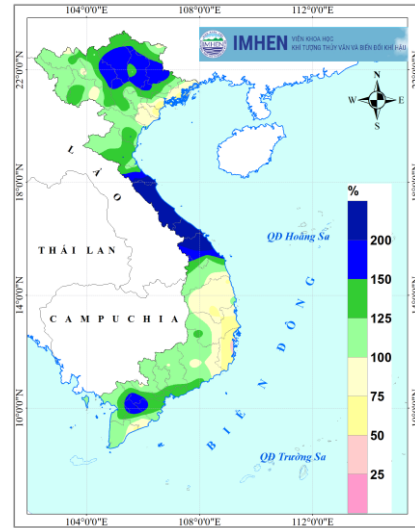
Trong tháng 6/2025, TLM ở nước ta chủ yếu phổ biến từ 100 đến 600 mm (Hình 1.14 và Bảng 1.2). Lượng mưa cao hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước; lượng mưa thấp hơn TBNN ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ, Thanh Hóa – Nghệ An, Gia Lai đến Khánh Hòa và phần lớn diện tích Nam Bộ. Tỷ chuẩn lượng mưa trong tháng 6/2025 chủ yếu từ 50 đến 200%, khu vực Hà Tĩnh đến Đà Nẵng trên 200% (Hình 1.15).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 phổ biến từ 40 đến 250 mm; trong tháng 6/2025 phổ biến từ 25 đến 200 mm (Bảng 1.2). Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 6/2025 là 559 mm quan trắc được tại Nam Đông (TP Huế) vào ngày 12.

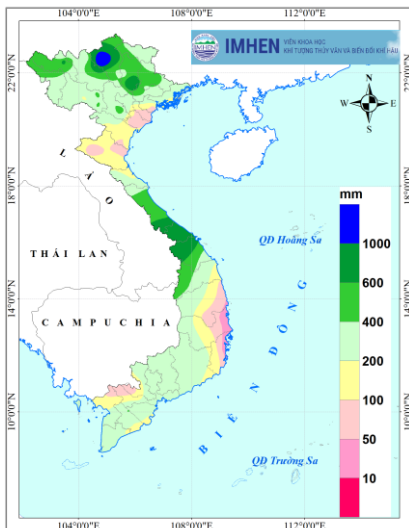
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 cao hơn TBNN từ 1 đến 10 ngày ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ; thấp hơn TBNN chủ yếu từ 1 đến 10 ngày ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Hình 1.16). Trong tháng 6/2025, SNM cao hơn TBNN từ 1 đến 8 ngày trên hầu khắp diện tích lãnh thổ (Hình 1.17 và Bảng 1.2).



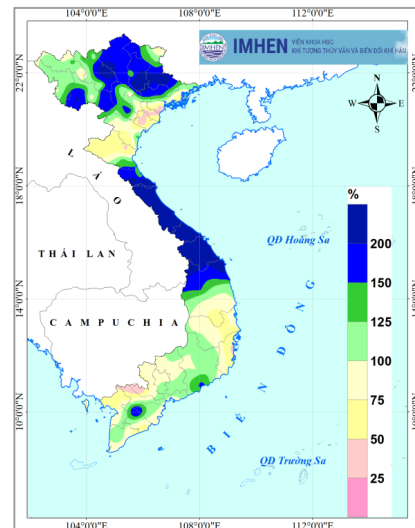
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (mm)



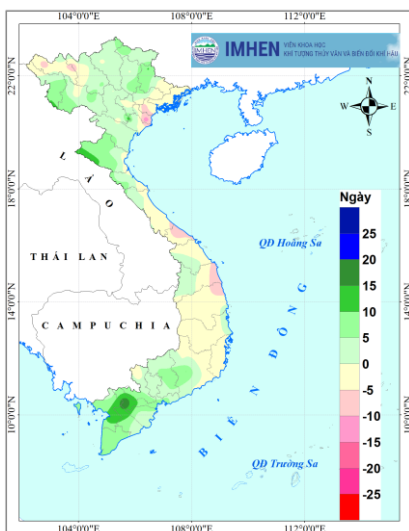
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (%)



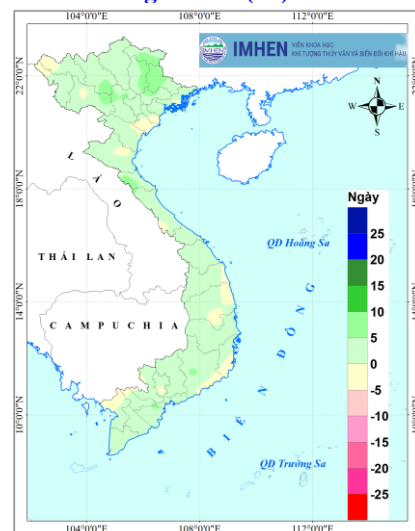
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 6/2025 (mm)



Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 6/2025 (%)



Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (ngày)



Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 6/2025 (ngày)

Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng 6/2025 tại một số trạm quan trắc

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	233	98,1	22	2,4	28
Sơn La	350	160,9	16	-2,5	63
Sa Pa	390	110,9	28	3,4	41
Bắc Quang	1730	163,3	25	2,1	200
Lạng Sơn	443	247,2	21	5,2	94
Thái Nguyên	998	359,5	21	5,0	228
Láng	253	102,7	17	3,0	60
Bãi Cháy	169	64,1	14	-0,4	72
Phù Liễn	79	36,5	15	1,8	21
Thanh Hoá	193	131,6	12	0,6	75
Vinh	136	151,7	11	3,1	45
Huế	766	967,3	11	1,3	292
Đà Nẵng	626	917,2	9	0,5	402
Quy Nhơn	46	91,0	7	0,5	30
Nha Trang	20	39,8	8	-0,1	6
Phan Thiết	231	161,4	14	-1,9	113
Plây cu	302	106,2	24	1,7	89
B.M. Thuật	247	104,4	25	3,3	59
Đà Lạt	256	125,6	24	1,6	67
Tân Sơn Nhất	321	112,3	21	-1,2	72
Vũng Tàu	218	90,7	23	5,0	36
Rạch Giá	212	72,3	20	0,7	29
Cần Thơ	416	201,4	23	3,1	111
Cà Mau	364	115,4	22	1,2	101

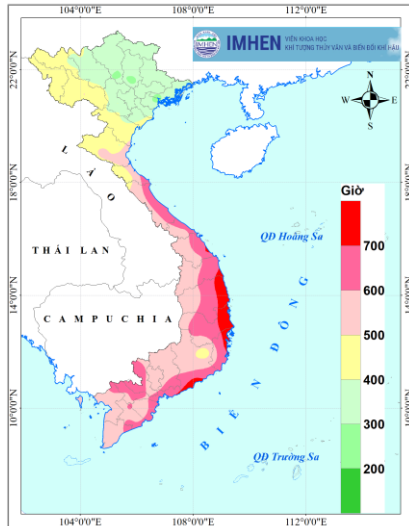
(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; TC: Tỷ chuẩn; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

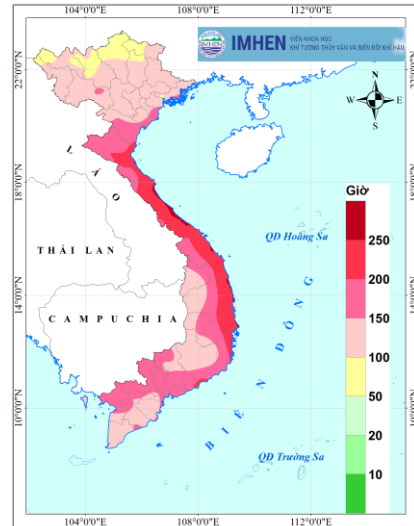
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 ở nước ta phổ biến 300 đến 700 giờ, trong đó thấp nhất ở Đông Bắc, cao nhất ở ven biển các tỉnh thuộc Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Trong tháng 6/2025, trên phần lớn diện tích lãnh thổ có TSGN từ 90 đến 200 giờ; khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh đến TP. Huế và ven biển các tỉnh từ Đà Nẵng đến Đắc Lắc có TSGN từ 200 đến trên 250 giờ (Hình 1.18 và Hình 1.19).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 trên lãnh thổ nước ta phổ biến từ 150 đến 300 mm, trong đó ở phía bắc thấp hơn phía nam (Hình 1.20). Trong tháng 6/2025, TLBH ở nước ta phổ biến 40 đến 130mm, trong đó khu vực các tỉnh ven biển Trung Bộ có TLBH cao nhất cả nước (Hình 1.21).

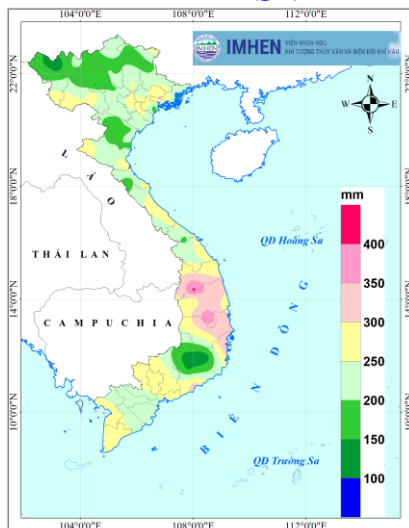
Chỉ số ẩm (A) trong 3 tháng qua trên đại bộ phận diện tích cả nước có giá trị lớn hơn 1; A nhỏ hơn 1 tập trung chủ yếu ở ven biển các tỉnh Gia Lai, Đắc Lắc và Khánh Hòa (Hình 1.22). Trong tháng 6/2025, A cũng có giá trị lớn hơn 1 trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ; A nhỏ hơn 1 xảy ra ở Hưng Yên, Ninh Bình và khu vực ven biển các tỉnh Gia Lai, Đắc Lắc (Hình 1.23).



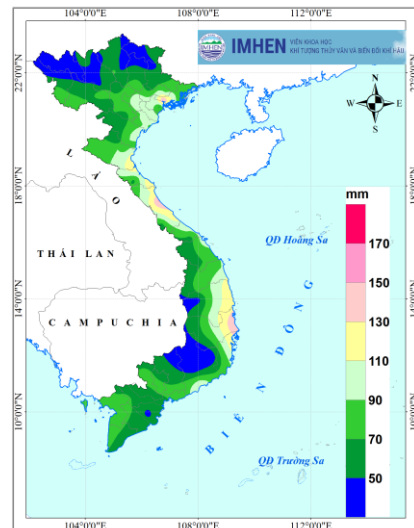
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (giờ)



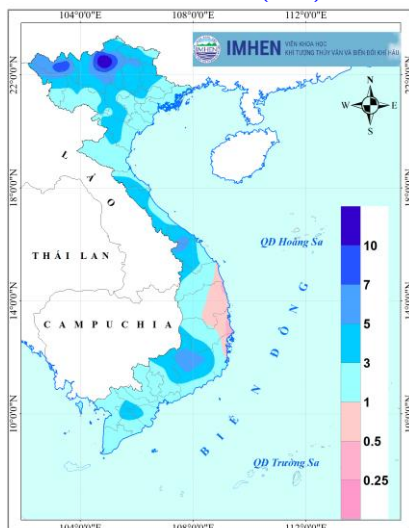
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 6/2025 (giờ)



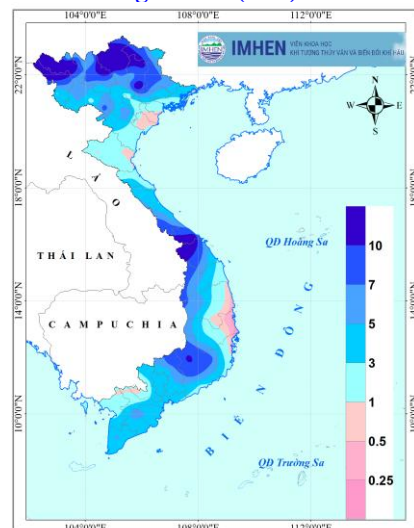
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 (mm)



Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 6/2025 (mm)



Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 4-6 năm 2025



Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 6/2025

1.2.4. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt

Không khí lạnh (KKL): Có 4 đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta vào tháng 4, tháng 5 (chi tiết đã được trình bày trong các bản Thông báo và Dự báo khí hậu tháng trước); tháng 6, không có đợt KKL nào xảy ra.

Xoáy thuận nhiệt đới: Trong mùa 3 tháng qua, có 1 ATNĐ và 1 cơn bão hoạt động trên Biển Đông. Bão số 1 (WUTIP), hoạt động trên Biển Đông từ ngày 10/6 đến 14/6, đổ bộ vào Quảng Đông (Trung Quốc). Hoàn lưu bão gây mưa vừa, mưa to cho khu vực Trung Trung Bộ. ATNĐ hoạt động trên Biển Đông từ ngày 24 đến ngày 26/6 và đổ bộ vào đất liền phía Nam tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), không gây ảnh hưởng đến thời tiết đất liền nước ta.

Mưa lớn: Có 6 đợt mưa lớn xảy ra trong 3 tháng qua, trong đó, tháng 4, tháng 5 có 4 đợt và tháng 6 có 2 đợt. Đợt mưa ngày 11 đến 13/6 xảy ra ở Trung Trung Bộ do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 1, với lượng mưa cả đợt phổ biến 150 đến trên 500 mm. Đợt mưa từ 21 đến 23/6 xảy ra ở Đông Bắc Bộ do ảnh hưởng của rãnh thấp kết hợp hội tụ gió trên cao, với lượng mưa cả đợt phổ biến 100 – 200 mm.

Dông lốc: Có 27 trận dông lốc xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó tháng 4, tháng 5 có 21 trận (4 trận kèm mưa đá), tháng 6 có 6 trận. Các trận dông lốc trong tháng 6/2025 xảy ra chủ yếu ở các tỉnh thuộc Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Nam Bộ.

Nắng nóng: Trong mùa 3 tháng qua có 9 đợt nắng nóng diện rộng, trong đó tháng 4, tháng 5/2025 có 6 đợt và tháng 6/2025 có 3 đợt. Đợt nắng nóng diện rộng xảy ra ngày 1 – 2/6 ở Bắc Bộ (nhiệt độ tối cao phổ biến 37 – 39°C), ngày 1-3/6 ở Bắc Trung Bộ (nhiệt độ tối cao phổ biến 36 – 38°C). Đợt nắng nóng ngày 6 – 8/6 ở Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, ngày 1-8/6 ở Nam Trung Bộ, với nhiệt độ tối cao phổ biến 35 – 37°C. Đợt nắng nóng ngày 14 – 15/6 ở Bắc Bộ và ngày 14-19/6 ở Bắc Trung Bộ, với nhiệt độ tối cao phổ biến 35 – 37°C.

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 chủ yếu do dông lốc, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất gây ra, cụ thể: có 40 người chết và mất tích, 20 người bị thương, trên 2.900 ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng, gần 108.000 ha lúa và hoa màu, cây ăn quả bị thiệt hại và nhiều thiệt hại khác về công trình giao thông, thủy lợi, về cây công nghiệp,... (Nguồn: <https://phongchongthientai.mard.gov.vn>).

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 4 - 6 năm 2025:**(1) Nhiệt độ**

- **Mùa 3 tháng 4-6 năm 2025:** NĐTB mùa 3 tháng 4-6 năm 2025 cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,0°C trên phần lớn diện tích lãnh thổ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở một phần nhỏ Tây Bắc và khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Đà Nẵng. NĐTCTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1,5°C trên đại bộ phận diện tích nước ta, trong đó khu vực Đồng bằng Bắc Bộ có chuẩn sai nhiệt cao nhất cả nước; nhiệt độ thấp hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1,0°C ở Tây Bắc, một phần nhỏ và khu vực từ Quảng Trị đến Đà Nẵng. NĐTTTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 2°C trên hầu khắp diện tích lãnh thổ.
- **Tháng 6/2025:** NĐTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1,5°C trên đa phần diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1°C ở một số khu vực nhỏ thuộc Bắc Bộ và các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Gia Lai. NĐTCTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C trên phần lớn diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1,0°C ở một số khu vực nhỏ thuộc vùng núi Bắc Bộ và các tỉnh từ Quảng Trị đến Đắk Lắk. NĐTTTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C trên hầu hết diện tích cả nước.
- **Cực trị nhiệt độ tháng 6/2025:** Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 6/2025 là 40,6°C tại Tương Dương (Nghệ An) vào ngày 2. Giá trị thấp nhất trong tháng 6/2025 là 14,6°C quan trắc được tại Đà Lạt (Lâm Đồng) vào ngày 21.

(2) Lượng mưa

- **Mùa 3 tháng 4-6 năm 2025:** TLM cao hơn TBNN ở đại bộ phận diện tích nước ta, trong đó khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Đà Nẵng có tỷ chuẩn lượng mưa trên 200%; lượng mưa thấp hơn TBNN ở dải ven biển Bắc Bộ và các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Khánh Hòa, với tỷ chuẩn lượng mưa từ 50 đến dưới 100%.
- **Tháng 6/2025:** TLM cao hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước; lượng mưa thấp hơn TBNN ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ, Thanh Hóa – Nghệ An, Gia Lai đến Khánh Hòa và phần lớn diện tích Nam Bộ. Tỷ chuẩn lượng mưa trong tháng 6/2025 chủ yếu từ 50 đến 200%, khu vực Hà Tĩnh đến Đà Nẵng trên 200%. LMNLN phổ biến từ 25 đến 200 mm, với giá trị lớn nhất là 559 mm quan trắc được tại Nam Đông (TP Huế) vào ngày 12.

(3) Hiện tượng cực đoan

- **Trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2025,** có 4 đợt KKL, 2 XTNĐ hoạt động trên Biển Đông, 6 đợt mưa lớn diện rộng, có 27 trận dông lốc và 9 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra trên lãnh thổ nước ta.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8-10 NĂM 2025**2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực****2.1.1. Hiện tượng ENSO**

Bản tin của CPC (ngày 21/07/2025): Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO ở trạng thái trung tính. Trạng thái trung tính được nhận định sẽ duy trì trong mùa 3 tháng 8-10 với xác suất khoảng 56%, sau đó giảm dần trong mùa 3 tháng 9-11 với xác suất khoảng 50%.

Dự báo của IRI: Trên khu vực xích đạo TBD, SSTA phổ biến từ $-0,25$ đến $1,0^{\circ}\text{C}$ ở phía Tây; từ $-2,0$ đến $0,25^{\circ}\text{C}$ ở Trung tâm và phía Đông. SSTA từ $-1,0$ đến $0,5^{\circ}\text{C}$ trên khu vực xích đạo Đại Tây Dương và từ $-0,25$ đến 1°C trên khu vực xích đạo Ấn Độ Dương. Trên khu vực Biển Đông, SSTA phổ biến từ $-0,25$ đến $1,0^{\circ}\text{C}$ (Hình 2.1). IRI nhận định ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 với xác suất 62%.

Dự báo của Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (ECMWF): SSTA trong mùa 8-10 năm 2025 tại khu vực NINO3.4 có giá trị phổ biến từ $-0,8^{\circ}\text{C}$ đến $0,3^{\circ}\text{C}$, trong đó nhiều phương án đều cho rằng ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính nghiêng về pha lạnh (Hình 2.2).

Giống với CPC, IRI và ECMWF, Cơ quan Khí tượng Úc (BOM) cũng nhận định ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025.

Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025, với xác suất khoảng 55-60%.

2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực Châu Á**Nhiệt độ:**

Theo dự báo của IRI, NĐTB mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết Châu Á với xác suất từ 40 đến trên 70%. Trên khu vực Việt Nam, NĐTB có khả năng cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Bộ với xác suất 50-70%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, với xác suất 40-60% (Hình 2.3).

Theo dự báo của ECMWF, NĐTB mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến $2,0^{\circ}\text{C}$ ở hầu hết Châu Á, riêng khu vực Nam Á ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN từ $0-1,0^{\circ}\text{C}$. Trên khu vực Việt Nam, NĐTB cao hơn TBNN từ $0-0,5^{\circ}\text{C}$ (Hình 2.4).

Giống với ECMWF, cơ quan khí tượng của Anh, Mỹ, Nhật Bản, Pháp, Úc đều cho kết quả dự báo xu thế nhiệt độ trên khu vực Việt Nam mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 có xu thế cao hơn TBNN với xác suất 50-70%.

Nhận định: Kết quả dự báo của các mô hình trên thế giới cho thấy trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025, nhiệt độ có khả năng xấp xỉ đến cao hơn giá trị TBNN trên phạm vi cả nước.

Lượng mưa:

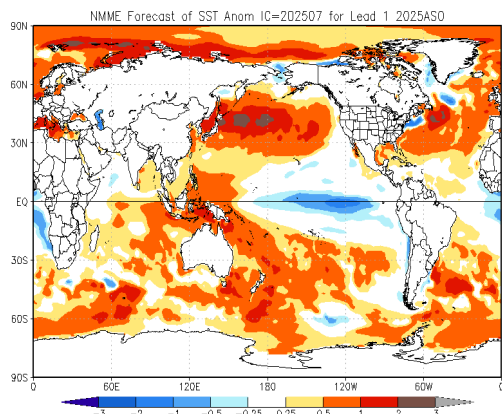
Theo dự báo của IRI, TLM mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phần

lớn diện tích Châu Á với xác suất từ 40 đến trên 70%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở phần lớn diện tích của Tây Á, một phần diện tích Bắc Á, Đông Á, với xác suất từ 40 đến 70% (Hình 2.5). Trên khu vực Việt Nam, TLM xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ với xác suất từ 40-45%; xấp xỉ TBNN ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

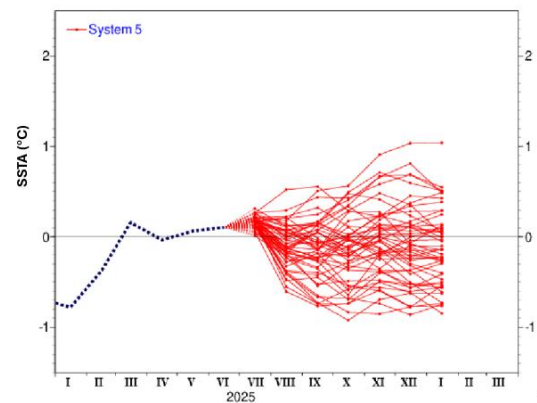
Theo dự báo của ECMWF, TLM xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến 200 mm ở phần lớn diện tích của Nam Á, một phần diện tích của Bắc Á, Đông Nam Á; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN từ 0 đến 50 mm ở một phần diện tích Tây Á, Trung Á và một phần diện tích của Bắc Á. Trên khu vực Việt Nam, TLM xấp xỉ TBNN ở Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ; cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ (Hình 2.6).

Giống với ECMWF, cơ quan khí tượng của Úc, Nhật Bản, Anh cũng dự báo TLM trên khu vực Việt Nam ở mức xấp xỉ TBNN ở Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ. Trong khi đó cơ quan khí tượng của Mỹ, Pháp lại cho rằng TLM có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực Trung Bộ với xác suất từ 40-70%, các khu vực khác ở mức xấp xỉ TBNN.

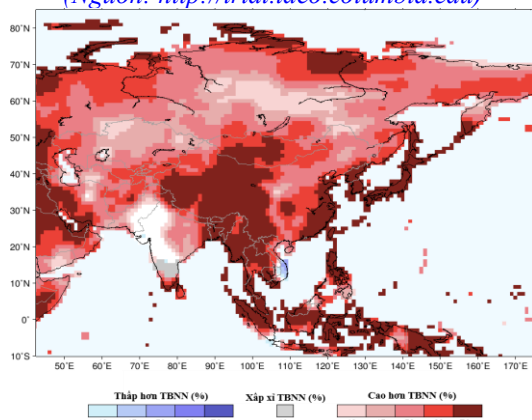
Nhận định: Kết quả dự báo của các mô hình trên thế giới cho thấy trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực Trung Bộ.



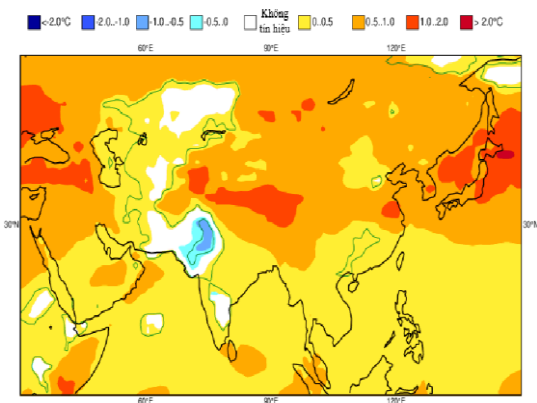
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 8-10 năm 2025
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)



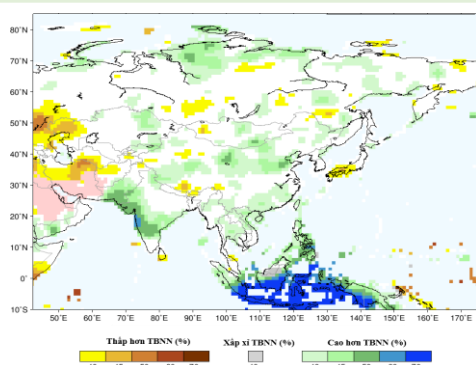
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 8-10 năm 2025
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)

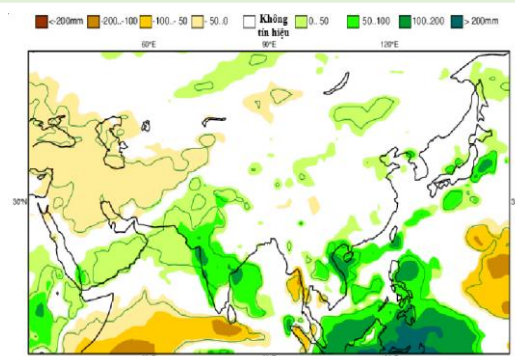


Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2025
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 cho khu vực châu Á

(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2025

(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, NĐTB mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN hầu hết diện tích trên cả nước với xác suất từ 55 đến trên 77%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở một phần diện tích của Nam Trung Bộ. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ dưới -0,5 đến 1,5°C (Hình 2.7, Bảng 2.1).

2.2.2. Dự báo lượng mưa

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, TLM mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nam Bộ và một phần diện tích của Đông Bắc và Nam Trung Bộ với xác suất phổ biến từ 44 đến trên 77%; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phần lớn diện tích Đông Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và một phần diện tích của Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ với xác suất từ 44 đến trên 77% (Hình 2.8, Bảng 2.1). Chuẩn sai TLM mùa 3 tháng được dự báo phổ biến từ -400 mm đến 400 mm.

2.2.3. Hiện tượng cực đoan

Có thể thấy từ đầu năm đến nay, đã có 6 XTNĐ (2 ATNĐ, 4 cơn bão) hoạt động trên khu vực Biển Đông và 01 cơn ảnh hưởng (bão số 3 - WiPha) đến khu vực Việt Nam. Như vậy số lượng XTNĐ đang ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN (4-5 cơn). Theo số liệu thống kê trung bình mùa 3 tháng 8-10 thời kỳ 1991-2020 có khoảng 6 cơn hoạt động trên khu vực Biển Đông và 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Nhận định nếu ENSO giữ nguyên trạng thái trung tính đến cuối năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (TBNN: 12-13 XTNĐ trên Biển Đông và 6-7 XTNĐ ảnh hưởng đến Việt Nam). Số lượng bão mạnh (từ cấp 12 trở lên) hoạt động trên khu vực Biển Đông có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng xấp xỉ TBNN (TBNN: khoảng 6 cơn trên Biển Đông và 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8-10 năm 2025

Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 8-10 năm 2025

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 8-10 năm 2025 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

- Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025, với xác suất khoảng 55-60%.

(2) Gió mùa:

- Cường độ GMMH ở mức xấp xỉ TBNN ở cuối mùa; thời điểm kết thúc GMMH có khả năng xấp xỉ TBNN.

- Gió mùa mùa đông (GMMĐ) có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN.

(3) Nhiệt độ:

- Trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025, nhiệt độ có khả năng xấp xỉ đến cao hơn giá trị TBNN trên phạm vi cả nước.

(4) Lượng mưa:

- Trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Trung Bộ. Đề phòng khả năng xuất hiện những cực đoan về lượng mưa trên khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ.

(5) Hiện tượng cực đoan

Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):

- Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2025 có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (TBNN: 12-13 XTNĐ trên Biển Đông và 6-7 XTNĐ ảnh hưởng đến Việt Nam). Số lượng bão mạnh (từ cấp 12 trở lên) hoạt động trên khu vực Biển Đông có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

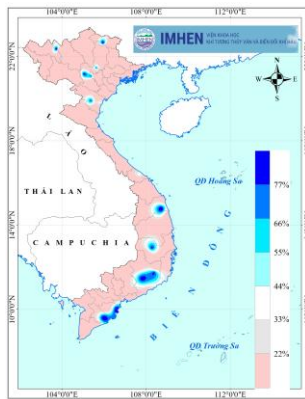
- Trong mùa 3 tháng 8-10 năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng xấp xỉ TBNN (TBNN: Khoảng 6 cơn trên Biển Đông và 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

Nắng nóng:

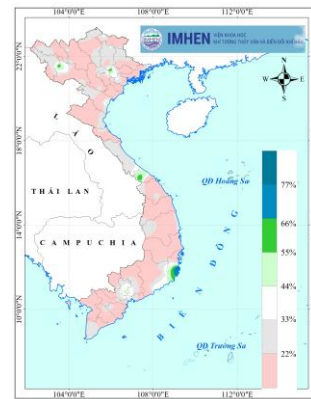
- Nắng nóng có khả năng xảy ra diện rộng ở phía Đông Bắc Bộ và Trung Bộ đến hết tháng 8, sau đó suy giảm dần trong tháng 9/2025. Cường độ nắng nóng ít gay gắt hơn so với năm 2024.

Đông lạnh:

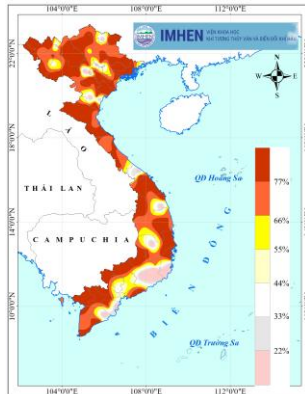
- Đề phòng các trận đông lạnh, sét, mưa đá xảy ra trên khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.



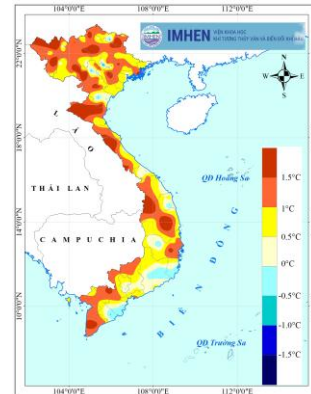
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)

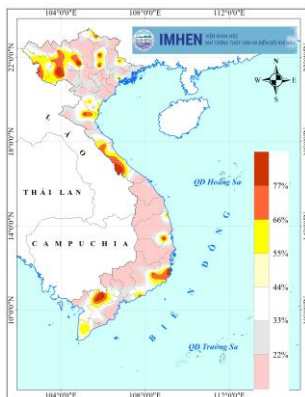


c) Xác suất cao hơn TBNN (%)

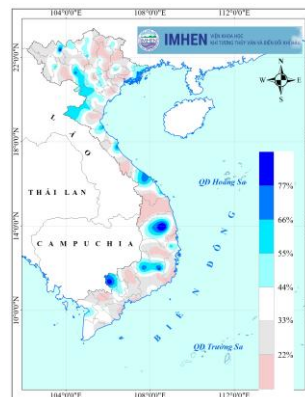


d) Chuẩn sai ($^{\circ}\text{C}$)

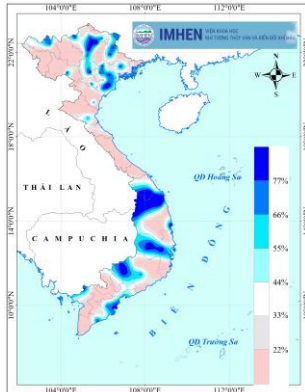
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2025



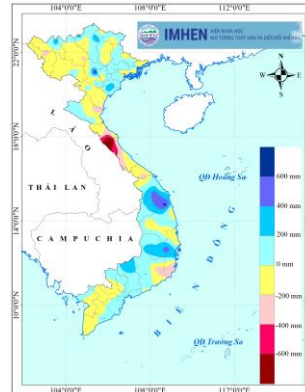
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)



c) Xác suất cao hơn TBNN (%)



d) Chuẩn sai (mm)

Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2025

Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2025

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1 ^(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Tây Bắc									
1	Mường Tè	25,0	0	25,3	81,8	638,2	78,6	826,9	0
2	Sìn Hồ	18,0	0	18,4	78,6	752,0	10,5	907,7	57,9
3	Lai Châu	25,3	0	25,6	71,4	560,6	61,1	646,2	5,6
4	Điện Biên	24,1	0	24,5	88,9	433,5	77,8	627,0	0
5	Tuần Giáo	23,4	0	23,8	61,5	410,0	35,7	522,9	14,3
6	Sơn La	23,2	0	23,5	60,0	386,0	100,0	531,5	0
7	Quỳnh Nhai	25,6	0	26,0	81,8	487,5	71,4	606,8	0
8	Sông Mã	24,5	0	24,8	84,6	337,6	62,5	411,6	6,3
9	Yên Châu	24,8	7,7	25,2	76,9	366,2	0	495,7	84,6
10	Mộc Châu	20,8	0	21,1	71,4	595,3	33,3	772,8	8,3
Đông Bắc									
1	Sa Pa	17,6	0	17,9	73,3	848,1	76,9	1082,9	0
2	Hà Giang	25,7	0	26,0	75,0	717,8	33,3	876,7	13,3
3	Bắc Quang	25,6	0	26,1	100,0	1296,8	12,5	1780,2	37,5
4	Cao Bằng	24,7	0	25,0	91,7	403,6	30,0	543,3	15,0
5	Lạng Sơn	24,5	0	24,9	73,3	387,8	75,0	481,6	0
6	Tuyên Quang	26,3	0	26,7	71,4	568,5	5,6	667,5	72,2
7	Thái Nguyên	26,3	0	26,8	84,6	609,9	87,5	830,3	0
8	Yên Bái	26,0	0	26,2	92,3	720,5	100,0	921,8	0
9	Móng Cái	26,1	0	26,4	75,0	854,5	66,7	1057,3	11,1
Đồng Bằng Bắc Bộ									
1	Vĩnh Yên	26,9	0	27,3	69,2	525,3	18,8	697,0	25,0
2	Việt Trì	26,7	0	27,0	69,2	526,8	,0	703,5	60,0
3	Bắc Giang	26,6	0	27,0	62,5	550,0	35,7	649,8	21,4
4	Hải Dương	26,6	0	26,9	61,5	530,4	0	669,0	82,4
5	Hoà Bình	26,2	0	26,5	100,0	636,8	30,4	957,5	30,4
6	Phù Lãng	26,3	0	26,5	83,3	656,8	6,7	815,2	60,0
7	Nam Định	26,7	0	27,1	87,5	652,7	0	921,7	100,0
8	Thái Bình	26,4	0	26,7	86,7	674,7	0	966,3	78,6
9	Ninh Bình	26,7	0	27,0	91,7	773,7	0	1049,0	76,9
Bắc Trung Bộ									
1	Thanh Hoá	26,5	40,0	26,8	6,7	775,2	61,5	989,1	0
2	Bãi Thượng	26,2	78,6	26,5	0	741,7	71,4	961,2	0
3	Vinh	26,4	0	26,9	69,2	1046,4	28,6	1315,2	7,1
4	Tương Dương	25,8	0	26,1	92,3	509,8	17,6	729,2	17,6
5	Hà Tĩnh	26,5	0	26,8	84,6	1216,3	30,4	1769,3	39,1
6	Tuyên Hoá	25,9	0	26,2	66,7	1161,1	72,7	1595,0	0
7	Đồng Hới	26,7	0	27,1	76,9	1129,2	60,0	1391,5	0
8	Đồng Hà	27,0	0	27,2	83,3	1000,6	25,0	1183,0	0
9	Huế	26,9	42,9	27,2	7,1	1024,5	21,1	1513,0	10,5
10	A Lưới	22,9	9,1	23,3	27,3	1146,2	22,2	1494,8	22,2
Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	27,3	9,1	27,6	81,8	931,4	29,2	1222,3	29,2
2	Tam Kỳ	26,9	0	27,2	87,5	773,9	12,5	1355,3	25,0
3	Trà My	25,5	0	25,8	71,4	1320,1	0	1776,9	100,0
4	Quảng Ngãi	27,0	8,3	27,3	91,7	983,8	0	1231,1	91,7
5	Ba Tơ	26,4	100,0	26,6	,0	1070,3	0	1380,6	87,5
6	Quy Nhơn	28,3	5,9	28,5	64,7	722,6	0	878,6	93,3
7	Tuy Hoà	27,5	9,1	27,7	81,8	567,6	25,0	931,3	30,0
8	Sơn Hoà	26,7	0	27,0	87,5	592,9	25,0	839,3	12,5
9	Nha Trang	27,4	0	27,6	87,5	452,9	0	567,4	66,7
10	Trường Sa	27,9	0	28,2	80,0	706,5	87,5	870,5	0
Tây Nguyên									
1	Kon Tum	23,6	0	23,8	77,8	705,0	0	894,2	87,5

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1 ^(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
2	Đắc Tô	22,4	0	22,8	100,0	774,6	,0	896,7	100,0
3	Pleiku	21,9	0	22,1	68,8	895,3	15,8	1119,5	21,1
4	Ayunpa	26,0	0	26,2	100,0	506,8	87,5	676,4	0
5	M'Drak	24,5	0	24,7	88,9	578,9	0	815,3	88,9
6	Đắc Nông	22,5	0	22,9	85,7	1026,9	25,0	1237,5	0
7	Đà Lạt	18,2	0	18,4	69,2	723,0	16,7	805,5	0
8	Liên Khương	21,2	81,8	21,5	0	629,0	81,8	713,3	0
9	Bảo Lộc	21,7	91,7	22,0	0	1072,4	7,1	1254,6	71,4
<i>Nam Bộ</i>									
1	Phan Thiết	26,9	6,7	27,0	46,7	443,8	36,0	576,3	16,0
2	Phước Long	25,0	0	25,3	100,0	1176,6	0	1254,3	87,5
3	Vũng Tàu	26,3	0	27,3	75,0	645,2	5,3	738,6	78,9
4	Mỹ Tho	26,8	0	27,0	77,8	642,4	45,5	710,7	18,2
5	Cần Thơ	26,5	0	26,7	69,2	694,8	40,0	859,1	15,0
6	Rạch Giá	27,5	8,3	27,7	83,3	862,5	36,4	1018,4	13,6
7	Phủ Quốc	26,9	13,3	27,1	73,3	1303,1	0	1489,7	66,7
8	Sóc Trăng	26,7	100,0	26,9	0	804,5	38,5	923,0	23,1
9	Cà Mau	26,8	0	27,1	71,4	999,2	66,7	1099,8	0

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

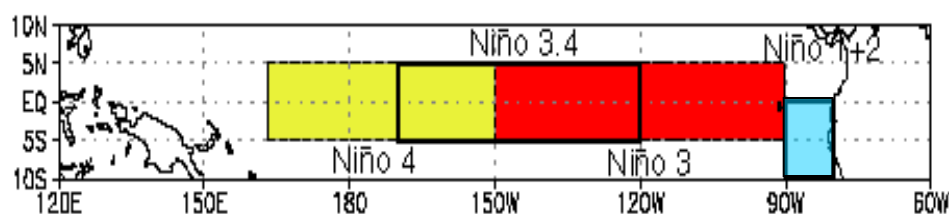
El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD

là khu vực nằm trong khoảng 20°N - 20°S, 100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.